



Working Paper 2025.2.5.2

- Vol. 2 , No. 5

**TUÂN THỦ CỦA DOANH NGHIỆP THỦY SẢN: NGHIÊN CỨU
TRƯỜNG HỢP GỖ THẺ VÀNG CỦA EU ĐỐI VỚI THỦY SẢN XUẤT KHẨU
CỦA VIỆT NAM**

Bùi Ngọc Khánh Linh¹, Ngô Thế Vũ

Sinh viên K60 Luật kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tăng Văn Nghĩa

Giảng viên khoa Luật

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Tuân thủ doanh nghiệp là một yếu tố then chốt để duy trì phát triển bền vững và uy tín trên thị trường quốc tế. Trong ngành thủy sản, tuân thủ không chỉ là đáp ứng các quy định pháp lý mà còn phản ánh trách nhiệm xã hội và môi trường của doanh nghiệp. Việc EU áp “thẻ vàng” lên thủy sản xuất khẩu của Việt Nam do vi phạm khai thác bất hợp pháp, không khai báo và không được quản lý (IUU) đã đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp thủy sản trong nước. Mặc dù nhiều biện pháp đã được triển khai để gỡ thẻ vàng, sự hiệu quả của những biện pháp này phụ thuộc vào nỗ lực tuân thủ của doanh nghiệp. Bài viết sẽ phân tích các quy định của EU về IUU mà doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam cần tuân thủ, đồng thời đánh giá tình hình tuân thủ của các doanh nghiệp trong ngành. Từ đó, xác định các thách thức và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao mức độ tuân thủ, góp phần thúc đẩy quá trình gỡ bỏ “thẻ vàng” và cải thiện vị thế của thủy sản Việt Nam trên thị trường EU.

Từ khóa: Tuân thủ doanh nghiệp, thủy sản, thẻ vàng, IUU, EU

**SEAFOOD CORPORATE COMPLIANCE: A CASE STUDY ON THE EU'S
YELLOW CARD REMOVAL FOR VIETNAM'S SEAFOOD EXPORTS**

¹ Tác giả liên hệ: Linkbnk.innorec@gmail.com

Abstract

Corporate compliance is a key factor for maintaining sustainable development and reputation in the international market. In the seafood industry, compliance not only involves meeting legal regulations but also reflects the social and environmental responsibilities of enterprises. The EU's imposition of a "yellow card" on Vietnam's seafood exports due to Illegal, Unreported, and Unregulated (IUU) fishing violations has presented numerous challenges for domestic seafood enterprises. Despite various measures implemented to lift the yellow card, the effectiveness of these measures depends on the compliance efforts of the enterprises. This article will analyze EU's regulations on IUU that Vietnamese seafood enterprises must comply with, while also assessing the compliance status of these enterprises. From there, it will identify challenges and propose solutions to enhance compliance levels, contributing to the process of lifting the "yellow card" and improving the position of Vietnamese seafood in the EU market.

Keywords: Corporate compliance, seafood, yellow card, IUU, EU

1. Giới thiệu

1.1. Lý do nghiên cứu

Tuân thủ là một khái niệm thuộc phạm vi quản trị của doanh nghiệp và có mối quan hệ mật thiết với pháp luật. Theo Easterbrook và Fischel, tuân thủ của doanh nghiệp được hiểu là sự “vi phạm hiệu quả” gắn với lý thuyết “vi phạm hợp đồng hiệu quả”, theo đó số tiền tối đa mà một doanh nghiệp nên đầu tư để tuân thủ được xác định bởi mức phạt nếu không tuân thủ. Tuy nhiên, giáo sư Robert Cooter đã chỉ ra rằng: *“Quan điểm trên đã bỏ qua khía cạnh đạo đức của luật pháp và việc gắn tuân thủ với hình phạt giống như trả tiền để được phép làm những điều bị cấm.”* Một quan điểm khác được đa số nhà nghiên cứu đồng tình của Behringer coi tuân thủ doanh nghiệp là ý thức tôn trọng và tuân thủ nhằm đảm bảo mọi hoạt động của doanh nghiệp phù hợp với pháp luật, bao gồm cả việc phù hợp với các quy tắc khác của đời sống xã hội có liên quan cũng như các quy tắc thực hành kinh doanh do chính doanh nghiệp đưa ra. Như vậy, tuân thủ doanh nghiệp được hiểu là một yếu tố quan trọng trong đó không chỉ yêu cầu việc tuân thủ pháp luật hiện hành mà còn bao gồm việc tôn trọng các quy tắc đạo đức và tiêu chuẩn mà doanh nghiệp tự thiết lập để quản lý hoạt động kinh doanh một cách có trách nhiệm.

Việc tuân thủ các quy định IUU không chỉ giúp doanh nghiệp thủy sản Việt Nam nói riêng và các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản trên thế giới nói chung duy trì uy tín và niềm tin từ phía đối tác kinh doanh quốc tế mà còn giúp mở rộng thị trường và tăng cường khả năng cạnh tranh trên bình diện toàn cầu. Hơn nữa, tuân thủ IUU đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đảm bảo tính bền vững và ổn định của ngành nghề này trong dài hạn. Việc không tuân thủ quy định IUU có thể dẫn đến các biện pháp trừng phạt từ đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam và ảnh hưởng đến ngành thủy sản trong nước, không chỉ trực tiếp đến doanh thu mà còn làm giảm khả năng phát triển và mở rộng của các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam. Do vậy, tuân thủ các quy định về IUU không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là chiến lược sống còn đối với các doanh nghiệp thủy sản, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu thủy sản lớn trên thế giới.

Thẻ vàng IUU là thẻ phạt thủy sản của EC đối với các quốc gia ngoài khu vực Liên minh Châu Âu (EU) không tuân thủ các quy định về IUU. Khi một quốc gia bị EC cảnh cáo “thẻ vàng”, các sản phẩm thủy sản của nước này khi nhập khẩu vào EU sẽ phải trải qua quá trình kiểm tra gắt gao hơn với thời gian kéo dài kèm theo chi phí gia tăng đáng kể. Mặt khác, việc công bố thông tin về áp thẻ của EC trên toàn thế giới có thể gây ra nhiều khó khăn đối với các thị trường xuất khẩu thủy hải sản chưa đạt yêu cầu ICC, buộc các nước này phải có động thái siết chặt hơn các quy định khai thác. Đối với các quốc gia có tỷ trọng xuất khẩu thủy sản lớn sang EU (như Việt Nam), việc bị rút “thẻ vàng” sẽ để lại những hậu quả nghiêm trọng cả về mặt kinh tế lẫn xã hội.

Nghiên cứu nhằm mục đích đánh giá thực trạng tuân thủ của doanh nghiệp thủy sản tại Việt Nam thông qua việc phân tích và đối chiếu với các quy định của EC và khung pháp lý của Việt Nam về IUU, từ đó chỉ ra những tác động mà doanh nghiệp có thể đối mặt nếu không tuân thủ và đề xuất một số giải pháp để nâng cao việc tuân thủ các quy định chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không được quản lý (IUU) giúp Việt Nam gỡ được thẻ vàng của EC.

1.2. Các quy định và tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến IUU

1.2.1. Pháp luật quốc tế và khu vực về IUU

- Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS 1982)

Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) năm 1982 đã đưa ra những quy định chung về quyền và nghĩa vụ của quốc gia ven biển trong hoạt động khai thác thủy sản. Cụ thể, các quyền và nghĩa vụ liên quan tới IUU tập trung vào 3 khía cạnh chính:

Thứ nhất, các quốc gia ven biển có nghĩa vụ quản lý sản lượng khai thác nhằm đảm bảo các nguồn lợi sinh vật trong vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia không bị khai thác quá mức. Vấn đề này được quy định tại Điều 61 của Công ước. Theo đó, nghĩa vụ quản lý sẽ được thực hiện chủ yếu qua việc quốc gia ven biển ấn định khối lượng đánh bắt có thể chấp nhận được đối với các tài nguyên sinh vật ở trong vùng đặc quyền về kinh tế của mình. Tuy nhiên, khối lượng ấn định này cần phải được tính toán dựa trên các yếu tố sinh thái và kinh tế như: Quan hệ tương hỗ giữa các loài, phương pháp đánh cá, lợi ích kinh tế của con người và của cộng đồng cư dân ven biển.

Thứ hai, các quốc gia ven biển có quyền tài phán đối với các hành vi vi phạm chủ quyền quốc gia trong khai thác quản lý tài nguyên sinh vật của vùng đặc quyền kinh tế. Cụ thể, Điều 73 của Công ước cho phép quốc gia ven biển có thể thi hành mọi biện pháp cần thiết, kể cả việc khám xét, kiểm tra, bắt giữ và khởi tố tư pháp nhằm đảm bảo việc tôn trọng các quy định về khai thác và quản lý tài nguyên sinh vật mà quốc gia đó đã ban hành.

Thứ ba, đối với hoạt động khai thác tài nguyên tại vùng biển cả ngoài khu vực đặc quyền kinh tế, Điều 87 của Công ước quy định: “*Biển cả để ngỏ cho tất cả các quốc gia, dù có biển hay không có biển*”. Như vậy, mọi quốc gia đều có quyền tự do khai thác hải sản. Tuy nhiên, quyền này cũng có những giới hạn nhất định, các quốc gia khi thực hiện quyền khai thác hải sản của mình cần phải: “Xem xét chính đáng” đến lợi ích của các quốc gia khác, đảm bảo phù

hợp với các nghĩa vụ quốc tế mà quốc gia đó là thành viên (Điều 116) và hợp tác với nhau trong việc bảo tồn và quản lý nguồn sinh vật biển tại vùng biển quốc tế (Điều 117 và 118).

- Các văn bản của Tổ chức Lương thực và nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO)

Bộ quy tắc Nghề cá có trách nhiệm của Tổ chức Lương thực và nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO) năm 1995 là một trong những công cụ tuy không mang tính ràng buộc về mặt pháp lý nhưng được trích dẫn nhiều nhất và trở nên phổ biến rộng rãi trên thế giới chỉ sau Công ước Liên hợp quốc năm 1982. Mục đích của Bộ quy tắc này là thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế về hành vi có trách nhiệm nhằm đảm bảo sự bảo tồn, quản lý và phát triển hiệu quả các nguồn lợi thủy sản, bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Tính không ràng buộc về mặt pháp lý cho phép các quốc gia có thể linh hoạt áp dụng các hướng dẫn của Bộ quy tắc cho từng tình huống cụ thể, phù hợp với nguồn lực kỹ thuật, tài chính và phương thức quản lý của mỗi quốc gia.

Bộ quy tắc của FAO có tính liên hệ chặt chẽ với UNCLOS 1982 và nhiều công cụ pháp lý nghề cá quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên như Hiệp định của FAO 1993 hay Hiệp định UNFSA 1995. Đây đều là những văn bản cụ thể hoá các quy định của UNCLOS, trong đó, Hiệp định của FAO 1993 tập trung vào trách nhiệm của quốc gia tàu mang cờ trong việc quản lý, cấp phép cho tàu cá và trong việc trao đổi thông tin liên quan tới hoạt động của tàu cá tại vùng biển quốc tế. Hiệp định UNFSA cụ thể hoá các quy định về hoạt động khai thác và bảo tồn đối với các đàn cá lưỡng cư (Các đàn cá ở trong vùng độc quyền về kinh tế của nhiều quốc gia ven biển hoặc đồng thời ở trong vùng đặc quyền về kinh tế và trong một khu vực tiếp liền với vùng đặc quyền về kinh tế) và di cư xa.

Sau hai hiệp định trên, Tổ chức Lương thực và nông nghiệp của Liên hợp quốc đã khởi động nhiều chương trình nhằm hỗ trợ việc thực thi của Bộ quy tắc Nghề cá có trách nhiệm, điều này dẫn tới sự ra đời của bốn Kế hoạch hành động quốc tế (IPOA). Trong đó, IPOA – IUU được ra đời với mục đích hoàn thiện khung pháp lý về IUU và hỗ trợ các quốc gia trong việc xử lý các hành vi đánh cá IUU. Trong đó, IUU được chính thức ghi nhận là thuật ngữ được hợp thành bởi 3 hành vi bao gồm: (1) Khai thác bất hợp pháp; (2) Khai thác không báo cáo; (3) Khai thác không theo quy định. Nhiều nội dung trong kế hoạch hành động này đã được Liên minh Châu Âu (EU) tích hợp vào Quy định của Hội đồng (EC) 1005/2008 (Quy định IUU), có hiệu lực từ tháng 1 năm 2010.

Cuối cùng, văn bản pháp lý đầu tiên trực tiếp điều chỉnh về IUU chính là hiệp định về biện pháp của các quốc gia có cảng nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và loại bỏ IUU (Hiệp định PSMA) của Tổ chức Lương thực và nông nghiệp của Liên hợp quốc. Mục tiêu của Hiệp định là ngăn các tàu tham gia vào khai thác IUU sử dụng cảng và đưa cá lên bờ, từ đó, ngăn chặn các sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác IUU tiếp cận thị trường trong nước và quốc tế. Hiệp định cho phép các quốc gia có cảng tiến hành kiểm tra và giám sát tàu cá không mang cờ của quốc gia mình khi tàu này xin phép cập cảng hoặc đã neo đậu, nhằm đảm bảo tàu không tham gia vào các hoạt động khai thác IUU. Đồng thời, Hiệp định cũng tăng cường trách nhiệm của quốc gia mà tàu mang cờ, yêu cầu cung cấp thông tin hoặc hỗ trợ quốc gia có cảng khi tàu bị nghi ngờ có liên quan đến IUU.

- Quy định của Hội đồng (EC) 1005/2008 (Quy định IUU)

Quy định số 1005/2008 của Ủy ban Châu Âu (EC) được xây dựng với mục tiêu thiết lập một hệ thống của Cộng đồng nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xóa bỏ các hoạt động đánh bắt thủy sản IUU thông qua việc không cho phép nhập khẩu các sản phẩm thủy sản bị khai thác IUU vào thị trường EU. Nhìn chung, chính sách của EU liên quan đến việc kiểm soát IUU tập trung vào 3 khía cạnh chính:

Thứ nhất, hoạt động kiểm soát của quốc gia có cảng đối với tàu cá của nước thứ ba. Điều 4 và 5 của Quy định chỉ cho phép tàu cá của nước thứ ba được phép thực hiện việc dỡ hàng, chuyển cảng tại cảng của các nước thành viên EU khi đáp ứng một số điều kiện nhất định. Trong đó, bao gồm việc cung cấp các thông tin về hàng hoá như thời gian, địa điểm đánh bắt, số lượng hàng hóa thủy sản theo từng chủng loại.

Thứ hai, việc nhập khẩu các sản phẩm thủy sản vào thị trường EU cần phải có giấy phép đánh bắt được thông qua bởi quốc gia tàu mang cờ và quốc gia là thành viên của EU – nơi tàu cá muốn cập cảng. Theo quy định tại Điều 17 và 18, giấy phép đánh bắt sẽ phải trải qua quy trình thẩm gia của cơ quan nước có cảng.

Thứ ba, theo quy định tại Điều 37, những tàu cá không tuân thủ IUU sẽ được đưa vào danh sách vi phạm, và sẽ bị chối cho nhập cảng, từ chối cho nhập khẩu sản phẩm thủy sản, tịch thu công cụ đánh bắt thủy sản...

Ngoài biện pháp xử lý đối với tàu cá, theo các tiêu chí tại Điều 31 và quy trình tại Điều 32 của quy định 1005/2008, khi cơ quan có thẩm quyền của EU xác định sản phẩm thủy sản của một quốc gia nhập khẩu vào thị trường EU không tuân thủ các quy định về giấy phép đánh bắt hoặc truy xuất nguồn gốc xuất xứ, cơ quan này sẽ thông báo cho quốc gia liên quan về khả năng có thể bị xác định là “nước thứ ba bất hợp tác” và cho nước thứ 3 liên quan một khoảng thời gian để điều chỉnh lại tình hình. Trường hợp này còn được hiểu là Ủy ban Châu Âu (EC) đã ra “thẻ vàng” đối với thủy sản được nhập khẩu từ nước thứ 3 nói trên. Trong trường hợp quốc gia bị “thẻ vàng” không có những điều chỉnh cần thiết để ngăn chặn và loại bỏ IUU, Ủy ban Châu Âu sẽ xác định quốc gia đó là “nước thứ ba bất hợp tác” và sẽ ra “thẻ đỏ” - cấm xuất khẩu các sản phẩm thủy sản khai thác sang thị trường EU.

1.2.2. Quy định pháp lý của Việt Nam

Sau khi bị EU áp thẻ vàng đối với thủy sản nhập khẩu từ Việt Nam, Việt Nam đã nỗ lực tăng cường và điều chỉnh khuôn khổ pháp lý theo yêu cầu của EC để chống khai thác IUU. Cụ thể, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Luật Thủy sản vào tháng 11 năm 2017. Ngoài ra dưới sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Luật Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) đã ban hành 2 nghị định và các thông tư liên quan đến phòng, chống khai thác IUU. Nhìn chung, các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để điều chỉnh về đánh bắt cá bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định trong ngành thủy sản Việt Nam tương đối đầy đủ và tương thích với các yêu cầu của EC. Đầu tiên, tại Điều 60, Luật Thủy sản năm 2017 đã liệt kê 14 hành vi được coi là khai thác thủy sản bất hợp pháp. Gần đây để có thể hoàn thiện khung pháp lý cho chuyển kiểm tra vào tháng 10 của EC, Chính phủ đã các sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 26/2019/NĐ-CP, Nghị định 42/2019/NĐ-CP và Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT. Trong đó:

Nghị định số 37/2024/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP với bốn điểm mới quan trọng giúp thủ tục hành chính trở nên thông thoáng hơn. Thứ nhất, nghị định làm rõ trách nhiệm của các cơ quan Trung ương, địa phương và đơn vị cung cấp trong quản lý hệ thống giám sát tàu cá và yêu cầu về thiết bị chống va chạm. Thứ hai, bổ sung quy định về giám sát viên trên tàu cá hoạt động trong vùng biển Việt Nam, hỗ trợ xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ. Thứ ba, điều chỉnh các điều kiện và nghĩa vụ của cơ sở đào tạo thuyền viên tàu cá theo Luật Đầu tư 2020. Cuối cùng, quy định về kiểm soát tàu nước ngoài và thủy sản nhập khẩu qua cảng và tàu công ten nơ được bổ sung nhằm thực hiện Công điện 1058/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Nghị định 38/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 42/2019/NĐ-CP với ba điểm mới giúp xử phạt vi phạm thủy sản hiệu quả hơn. Thứ nhất, nghị định kéo dài thời hiệu xử phạt lên 2 năm, giúp cơ quan quản lý có thêm thời gian xử lý vi phạm. Thứ hai, bổ sung quy định về nhiều hành vi vi phạm mới, đặc biệt các hành vi liên quan đến loài thủy sản quý hiếm, sử dụng chất cấm và khai thác bất hợp pháp. Cuối cùng, nghị định mở rộng thẩm quyền xử phạt cho một số chức danh của cơ quan chức năng, đảm bảo các vi phạm được phát hiện và xử lý kịp thời.

Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT đã sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT với ba điểm mới chính. Thứ nhất, thông tư bổ sung yêu cầu hồ sơ đăng ký tàu cá bao gồm các tài liệu như tờ khai có xác nhận của UBND xã, bản sao Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và ảnh màu toàn tàu, nhằm tăng tính minh bạch và tiêu chuẩn hóa quy trình đăng ký, đồng thời nâng cao khả năng quản lý tại địa phương. Thứ hai, thông tư bổ sung trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc rà soát danh sách các tàu cá chưa hoàn thiện hồ sơ trước khi thông tư có hiệu lực, giúp quản lý toàn diện và đảm bảo mọi tàu đều được đăng ký. Cuối cùng, thông tư thay thế thuật ngữ “Tổng cục Thủy sản” bằng “Cục Thủy sản” theo quy định của Nghị định số 105/2022 nhằm tạo sự nhất quán trong hệ thống pháp lý của Việt Nam.

1.2.3. Yêu cầu và tiêu chí của EC

Để xuất khẩu thủy sản sang EU, doanh nghiệp xuất khẩu cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Thứ nhất, quốc gia và doanh nghiệp xuất khẩu phải được công nhận: Thủy sản xuất khẩu sang Châu Âu phải đạt được sự công nhận từ các cơ quan có thẩm quyền của Châu Âu. Và để đáp ứng được yêu cầu này, đòi hỏi các doanh nghiệp và quốc gia xuất khẩu phải tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu về an toàn thực phẩm và không gây ra mối đe dọa cho người tiêu dùng của châu Âu.

Thứ hai, không vượt quá mức dư lượng tối đa (MRL): Đây là một quy định nghiêm ngặt được EU nêu cụ thể trong các văn bản quy định khác nhau. Theo đó, với mỗi lô hàng thủy sản, doanh nghiệp xuất khẩu phải chứng minh sản phẩm không vượt quá mức dư lượng tối đa liên quan bằng cách cung cấp giấy chứng nhận sức khỏe (Health certificate) do phòng thí nghiệm được công nhận cấp.

Thứ ba, các quy định về ghi nhãn phải được tuân thủ nghiêm ngặt: Các quy định của Châu Âu về ghi nhãn rất rõ ràng. Tuy nhiên, có thể có sự khác biệt nhỏ giữa việc ghi nhãn thủy hải

sản chưa chế biến và đã chế biến, và giữa việc ghi nhãn cho thủy hải sản đánh bắt tự nhiên và thủy hải sản được nuôi trồng.

Thứ tư, thủy sản phải có nguồn gốc hợp pháp: EU yêu cầu sản phẩm thủy sản phải có chứng nhận không liên quan đến IUU, trong đó cá tự nhiên cần có giấy chứng nhận khai thác từ cơ quan có thẩm quyền, và nhà xuất khẩu có thể xin giấy chứng nhận cho thủy sản mua từ tàu đã được đăng ký hợp lệ.

Cuối cùng, kiểm tra hàng hải sản tại cửa khẩu: Sau khi vận chuyển, các lô hàng nhập khẩu phải vào EU thông qua một Trạm Kiểm tra Biên giới đã được phê duyệt. Tần suất kiểm tra thực tế phụ thuộc vào hồ sơ rủi ro của sản phẩm và vào kết quả của các lần kiểm tra trước đó. Các lô hàng bị phát hiện không tuân thủ luật pháp của EU sẽ bị tiêu hủy hoặc, trong những điều kiện nhất định, được gửi lại trong vòng 60 ngày. Ngoài ra, doanh nghiệp xuất khẩu có thể bị phong tỏa và cơ quan có thẩm quyền có thể phải đối mặt với hình thức kỷ luật..

Ngoài ra để có thể tăng tính cạnh tranh giữa các sản phẩm thủy sản, doanh nghiệp có thể đáp ứng một số những yêu cầu bổ sung như: Chứng nhận an toàn Thực phẩm, Chứng nhận tuân thủ xã hội, Chứng nhận tuân thủ xã hội,...

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Bài nghiên cứu thuộc nghiên cứu ứng dụng, nhằm giải quyết vấn đề nâng cao khả năng tuân thủ các quy định IUU của doanh nghiệp thủy sản Việt Nam. Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá thực trạng về mức độ tuân thủ của doanh nghiệp, nhằm đưa ra những lý do có thể giải thích cho thực trạng này. Từ đó, đề xuất một số giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xoá bỏ IUU đối với doanh nghiệp thủy sản.

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phương pháp định tính, phân tích các văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo của các cơ quan chuyên môn cũng như những nghiên cứu liên quan nhằm khám phá thái độ, nhận thức của các bên (doanh nghiệp, cơ quan quản lý, ngư dân) về vấn đề IUU.

2.2. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu

Ngoài những văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và những hiệp định mà Việt Nam là thành viên, nghiên cứu sử dụng tài liệu sẵn có từ các báo cáo chính phủ, báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Tổng cục Thủy sản, và các tổ chức quốc tế như FAO, EC, các tổ chức phi chính phủ về bảo vệ môi trường. Đồng thời, nghiên cứu cũng tham khảo thông tin từ các nghiên cứu trước liên quan đến tuân thủ các quy định chống IUU của EC tại một số quốc gia khác, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Cuối cùng, số liệu trong nghiên cứu được thống kê từ báo cáo tài chính, báo cáo tổng hợp của các doanh nghiệp thủy sản, hiệp hội ngành nghề và báo cáo xuất khẩu thủy sản của Hải quan Việt Nam và Cục Thống kê.

2.3. Hạn chế của nghiên cứu

Hạn chế của nghiên cứu bao gồm giới hạn về dữ liệu và phạm vi tiếp cận. Về mặt dữ liệu, việc thu thập thông tin đầy đủ từ các doanh nghiệp thủy sản gặp nhiều khó khăn, nhất là những thông tin nhạy cảm như số liệu tài chính hoặc các vi phạm liên quan đến khai thác bất hợp pháp (IUU). Các doanh nghiệp có thể không sẵn lòng chia sẻ thông tin, hoặc dữ liệu thu được có thể thiếu sự chính xác do rào cản về minh bạch và kiểm soát thông tin. Về mặt phạm vi tiếp cận, nghiên cứu chỉ được tiến hành ở một khu vực địa lý hoặc một nhóm doanh nghiệp, khiến phạm vi tổng thể bị thu hẹp. Vì những lý do này, phát hiện và kết luận của bài nghiên cứu có thể không đại diện cho toàn bộ ngành thủy sản Việt Nam, đặc biệt khi ngành này có sự đa dạng về quy mô, loại hình doanh nghiệp và khu vực hoạt động.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đánh giá về thực trạng tuân thủ của doanh nghiệp thủy sản Việt Nam

- Phân tích mức độ tuân thủ hiện tại:

Trên địa bàn cả nước, sau đợt thanh tra lần thứ 4 (10/2023), Ủy ban châu Âu (EC) ghi nhận Việt Nam đạt tỷ lệ gần 100% tàu cá trên 15m đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình. Ngoài ra, lắp đặt VMS cho tàu trên 24m đã cơ bản hoàn thành. Đối với khung pháp lý về chống khai thác IUU, đoàn thanh tra của EC cơ bản đồng thuận với dự thảo 2 nghị định sửa đổi, bổ sung đối với: Nghị định 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Thủy sản và Nghị định số 42/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản. Ngoài các nỗ lực trên, theo khuyến nghị của EC, Việt Nam cũng tăng cường xử phạt vi phạm hành chính đối với hoạt động IUU, từ đầu năm 2023 đến nay, xử phạt 2.111 vụ với số tiền hơn 44 tỷ đồng. Cụ thể tại một số tỉnh tiêu biểu như sau: (1) Theo số liệu thống kê của tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, tính đến giữa tháng 5 năm 2024, tổng số tàu cá 4.473 chiếc, trong đó phần lớn là các tàu cá khai thác thủy sản xa bờ có chiều dài từ 15 mét trở lên (2.725 chiếc). Trong số này, có 2.645/2.725 tàu cá khai thác vùng khơi lắp thiết bị VMS theo quy định, đạt tỷ lệ 97%; (2) Theo số liệu thống kê của tỉnh Bình Thuận, tính đến nay, toàn tỉnh có 1.942 tàu cá đang hoạt động đã lắp đặt thiết bị VMS, đạt tỷ lệ 100%, trong đó, nhóm tàu trên 24m đã lắp đặt 37 chiếc, nhóm tàu cá có chiều dài từ 15 đến dưới 24m lắp đặt 1.905 chiếc. Ngoài ra, có 11 tàu cá chưa thực hiện lắp đặt thiết bị VMS, chủ yếu đây là những tàu cá này đã ngừng hoạt động do hư hỏng nằm bờ, thi hành án, tranh chấp dân sự.

Có thể thấy, mức độ tuân thủ các quy định về lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (VMS) cho tàu cá trên cả nước hiện đang ở mức cao, phản ánh nỗ lực của Việt Nam trong việc kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU) theo tiêu chuẩn của EC. Việc gần như hoàn tất lắp đặt VMS cho tàu cá trên 15m, đặc biệt là nhóm tàu dài trên 24m, cho thấy cam kết mạnh mẽ từ phía các cơ quan quản lý và sự hợp tác ngày càng chặt chẽ của các doanh nghiệp chủ tàu. Các địa phương cũng đang tích cực phối hợp để đạt sự đồng bộ trong giám sát, đặc biệt là những tỉnh có hoạt động khai thác thủy sản mạnh mẽ, thể hiện sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cộng đồng đánh bắt cá. Tuy vậy, vẫn còn một số tàu chưa tuân thủ, chủ yếu do yếu tố kỹ thuật hoặc các vướng mắc pháp lý như tranh chấp dân sự hay tàu ngừng hoạt động.

Những ngoại lệ này tuy ít nhưng đòi hỏi nỗ lực tăng cường giám sát và linh hoạt trong các biện pháp xử lý để tránh tạo lỗ hổng trong quản lý chung. Để hoàn thiện hệ thống, Việt Nam cũng đang chủ động trong việc khắc phục các hạn chế và tăng cường tính minh bạch trong quản lý thủy sản. Việc duy trì và cải thiện mức độ tuân thủ này không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế mà còn góp phần xây dựng hệ sinh thái thủy sản bền vững hơn.

- Phân loại doanh nghiệp:

Doanh nghiệp thủy sản thường được phân chia dựa trên các tiêu chí như quy mô vốn, số lượng lao động, và phạm vi hoạt động thị trường. Các nhóm doanh nghiệp thường được chia thành: doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ và dựa trên thị trường, có thể phân loại thành doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp nội địa.

Nếu phân chia theo doanh nghiệp lớn, vừa, nhỏ và siêu nhỏ, có rất nhiều tiêu chí để xác định các nhóm doanh nghiệp này, trong đó có quy mô vốn và số lượng người lao động. Cụ thể tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 39/2018/NĐ-CP quy định: *“Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thủy sản có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng”*. Việc phân chia không chỉ giúp minh bạch trong việc hỗ trợ thông tin, tư vấn và phát triển nguồn lực mà còn giúp quá trình quản lý, giám sát và xử phạt trở nên dễ dàng hơn.

Nếu phân chia theo doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp nội địa, tiêu chí chính để xác định là phạm vi thị trường mà doanh nghiệp hướng tới. Các doanh nghiệp xuất khẩu thường có mức độ tuân thủ IUU cao do những yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế, trong khi đó những doanh nghiệp hoạt động trong thị trường nội địa, thường có mức độ tuân thủ thấp hơn do những rào cản về chi phí và ít bị áp lực từ thị trường nội địa. Việc nắm bắt được sự khác biệt này giúp cơ quan quản lý có thể đưa ra những giải pháp phù hợp với từng nhóm doanh nghiệp.

- Phân tích mức độ tuân thủ của các doanh nghiệp hiện tại:

Nhìn chung, tính đến năm 2021, Việt Nam có tổng cộng 409 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản sang EU. Tuy nhiên, trong số này chỉ có 52 doanh nghiệp cam kết không thu mua thủy hải sản từ những tàu cá vi phạm IUU. Xét theo quy mô, 52 doanh nghiệp cam kết nói trên đa phần là các doanh nghiệp nhỏ, trong khi đó, không có doanh nghiệp nào thuộc danh sách 500 công ty xuất khẩu thủy sản lớn tại Việt Nam tham gia cam kết này. Qua đây, có thể thấy ảnh hưởng của quy định về chống khai thác IUU và mức độ cam kết tuân thủ của các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU nói chung còn chưa cao.

Đối với các doanh nghiệp thủy sản nhỏ và vừa, việc tuân thủ quy định IUU còn nhiều hạn chế. Phần lớn, các doanh nghiệp này có mức độ tuân thủ thấp, thậm chí vi phạm IUU và ngừng hoạt động sau khi bị xử phạt. Nguyên nhân sâu xa nằm ở đạo đức kinh doanh: mặc dù nhận thức rõ hành vi sai phạm, họ vẫn hợp tác với cơ quan quản lý nhằm che giấu và hợp pháp hóa các hoạt động không đúng chuẩn mực. Tại các tỉnh có lượng xuất khẩu thủy sản sang EU lớn như Bà Rịa Vũng Tàu, Khánh Hòa còn có trường hợp các doanh nghiệp và Ban Quản lý Cảng hợp tác để hợp thức hóa hồ sơ chứng nhận thủy sản. Cụ thể, ba doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản - Công ty TNHH T&H Nha Trang tại Khánh Hòa, Công ty TNHH Thịnh Hưng và Công ty

TNHH Cát Tiên tại Bà Rịa Vũng Tàu - đã gom sản lượng khai thác từ nhiều tàu về một tàu để hợp thức hóa giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác. Hành vi này bị phát hiện khi sản lượng cá kiểm trong các lô hàng xuất khẩu có dấu hiệu bất thường, cao hơn mức bình thường. Mong muốn tối ưu hóa chi phí và tối đa hóa lợi nhuận đã khiến các doanh nghiệp này bất chấp quy định pháp luật. Sau khi bị xử phạt, Công ty TNHH T&H Nha Trang đã bị loại ra khỏi danh sách các doanh nghiệp được phép xuất khẩu sang thị trường châu Âu và Công ty TNHH Thịnh Hưng đã ngừng hoạt động chế biến thủy sản xuất khẩu, chỉ còn Công ty TNHH Cát Tiên tiếp tục duy trì hoạt động. Điều này cho thấy hạn chế về nguồn lực và khả năng tuân thủ IUU của các doanh nghiệp nhỏ là một thách thức lớn.

Như vậy, mức độ tuân thủ các quy định chống khai thác IUU trong ngành thủy sản Việt Nam có sự phân hóa rõ rệt giữa các doanh nghiệp. Mặc dù Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc tuân thủ quy định lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho tàu cá, song mức độ cam kết của các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vẫn chưa thực sự đồng đều. Một số doanh nghiệp lớn, vốn có tiềm lực tài chính và nguồn lực mạnh mẽ, vẫn chưa tham gia đầy đủ vào các cam kết chống khai thác IUU, điều này phản ánh mức độ nhận thức và trách nhiệm chưa cao trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản bền vững. Bên cạnh đó, đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, mức độ tuân thủ quy định IUU càng yếu kém hơn. Nhiều doanh nghiệp nhỏ vẫn chấp nhận hành vi vi phạm nhằm tối đa hóa lợi nhuận, bất chấp các hậu quả pháp lý. Các trường hợp hợp thức hóa giấy tờ, che giấu sản lượng khai thác không rõ ràng để xuất khẩu sang EU là minh chứng rõ ràng cho thực trạng này. Điều này cho thấy rằng, dù có sự cải thiện trong khung pháp lý và mức độ giám sát, nhưng văn hóa tuân thủ trong một bộ phận lớn doanh nghiệp vẫn còn thiếu, đặc biệt trong những doanh nghiệp có quy mô nhỏ với nguồn lực hạn chế. Những vi phạm này không chỉ ảnh hưởng đến hình ảnh của ngành thủy sản Việt Nam mà còn đe dọa nghiêm trọng đến uy tín của quốc gia trên thị trường quốc tế. Hệ quả là, các doanh nghiệp bị xử phạt hoặc ngừng hoạt động đã làm dấy lên những lo ngại về khả năng duy trì và phát triển bền vững của ngành thủy sản trong tương lai nếu không có giải pháp cải thiện mạnh mẽ hơn.

- **Khó khăn và thách thức:**

Sau đợt thanh tra thứ 4 của EC, các vấn đề được đoàn thanh tra khuyến nghị bao gồm: không để tàu cá vi phạm khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài; không để tàu mất kết nối 10 ngày; không để tàu "3 không" như không đăng kiểm, không đăng ký, không giấy phép và tỷ lệ xử phạt còn rất thấp. Lấy ví dụ tại tỉnh Bình Thuận, từ đầu năm 2023 đến nay, Bình Thuận có 23 lượt tàu cá vượt ranh giới cho phép. Về vấn đề tàu cá mất kết nối, Bình Thuận có 69 tàu cá mất kết nối trên 6 tiếng đồng hồ không báo cáo vị trí về bờ và 43 tàu cá mất kết nối 10 ngày không đưa tàu cá vào về bờ theo quy định. Theo quy định hiện hành, tàu cá mất kết nối trên 6 giờ, trên 10 ngày hoặc vượt ranh giới cho phép sẽ bị xử lý vi phạm, tuy nhiên, trên thực tế, một phần không nhỏ các trường hợp bị mất kết nối là do chất lượng của nhiều thiết bị VMS hiện nay còn chưa đảm bảo. Ngoài ra, Nghị định 38/2024/NĐ-CP và Nghị định 135/2021/NĐ-CP đều có quy định về “phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ bảo đảm đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật”; tuy nhiên, tiêu chí cụ thể về phương tiện, thiết bị kỹ thuật nào đạt chuẩn lại chưa được nhắc tới. Từ vấn đề trên, việc xác định thiết bị VMS mất kết nối là do chủ tàu hay

do thiết bị gặp nhiều khó khăn. Trên thực tế hiện nay, tại tỉnh Bình Thuận, số lượng tàu cá mất kết nối trên 6 giờ hàng ngày quá lớn, có ngày trên 100 tàu và trong đó đa phần lỗi không phải do chủ tàu, thuyền trưởng mà do thiết bị, nên việc xử phạt cũng gặp những trở ngại.

Bên cạnh công tác giám sát tàu cá và xử phạt, việc truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác vẫn còn yếu. Công tác chứng nhận, xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác còn nhiều bất cập, chưa đảm bảo độ tin cậy đặc biệt là khi việc kiểm soát tàu cá ra/vào cảng còn hạn chế và hệ thống giám sát tàu cá chưa đáp ứng được yêu cầu. Nguyên nhân chính đến từ việc ngư dân còn chưa có nhận thức đầy đủ về IUU cũng là một trong những thách thức trong việc ngăn chặn khai thác IUU. Cụ thể, dù thực tiễn cho thấy tỷ lệ tàu cá được lắp thiết bị VMS ở các tỉnh đều ở mức cao, hiện tượng một tàu cá chở theo thiết bị giám sát hành trình của nhiều tàu cá khác vẫn nhằm “đánh lạc hướng” các cơ quan quản lý vẫn diễn ra. Cụ thể, chỉ trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 10 năm 2024, đã có ít nhất 4 vụ tàu cá chở theo nhiều thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá khác được phát hiện. Đặc biệt, các vụ việc kể trên đều diễn ra tại các tỉnh có sản lượng khai thác thủy sản đứng đầu cả nước như Cà Mau, Kiên Giang. Trong đó, có vụ một tàu cá chở tới 14 thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá khác.

Mặt khác đa phần các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam là vừa và nhỏ có nguồn lực chưa lớn. Chi phí để tuân thủ các quy định IUU rất cao có thể kể đến một số chi phí như chi phí lắp đặt thiết bị giám sát, nâng cấp công nghệ, hay các chi phí phát sinh khi tuân thủ các tiêu chuẩn của EU đã làm các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tuân thủ. Theo Michelin, áp dụng công nghệ có thể cải thiện việc giám sát tàu cá nhưng chưa đến 1% tàu cá trên thế giới tuân theo do một số hạn chế, bao gồm thiếu cơ sở hạ tầng và chi phí. Một số những công nghệ khác có chi phí rẻ hơn như ổ ghi chép điện tử, ứng dụng điện thoại thông minh nhưng vẫn ít được sử dụng. Nhìn chung một số những công nghệ tuy tối ưu nhưng chi phí cao và chỉ giải quyết được một vấn đề nhỏ của doanh nghiệp. Nếu mong muốn giải quyết được vấn đề một cách tổng thể thì yêu cầu rất nhiều chi phí để lắp đặt đa dạng các công nghệ. Mặt khác, các công nghệ được ứng dụng sử dụng các mô hình có biến rất phức tạp và Việt Nam khó có thể đáp ứng cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực để ứng dụng.

Như vậy, việc kiểm soát và ngăn chặn khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) tại Việt Nam hiện đang gặp nhiều khó khăn và thách thức, trong đó nổi bật là vấn đề chất lượng thiết bị giám sát hành trình (VMS), công tác xử phạt, truy xuất nguồn gốc và chi phí tài chính cho việc áp dụng công nghệ. Đầu tiên là về chất lượng thiết bị VMS thường xuyên mất kết nối. Đây không phải do lỗi của chủ tàu mà vì thiết bị không đạt chuẩn, nhưng lại thiếu tiêu chí cụ thể về tiêu chuẩn kỹ thuật. Điều này làm phức tạp việc xác định trách nhiệm vi phạm và dẫn đến khó khăn trong xử lý, bởi có những lỗi không do tàu gây ra nhưng lại dẫn đến việc xử phạt thiếu công bằng khiến việc theo dõi và đảm bảo tuân thủ quy định trở nên khó khăn hơn. Thứ hai là về vấn đề xử phạt và truy xuất nguồn gốc thủy sản. Mặc dù đã có quy định xử lý vi phạm, tỷ lệ xử phạt thực tế còn thấp do khó khăn trong việc xác định rõ ràng trách nhiệm khi lỗi đến từ thiết bị, làm giảm hiệu quả răn đe và quản lý. Đồng thời, công tác truy xuất nguồn gốc vẫn chưa đảm bảo được độ tin cậy, bởi hệ thống giám sát tàu cá còn hạn chế trong việc kiểm soát chặt chẽ tàu ra vào cảng. Điều này tạo điều kiện cho các sản phẩm thủy sản không rõ nguồn gốc lọt vào chuỗi cung ứng, ảnh hưởng đến uy tín và năng lực

xuất khẩu. Cuối cùng, các rào cản về mặt chi phí và năng lực có thể là một vấn đề nan giải đối với việc tuân thủ của các doanh nghiệp thủy sản

3.2. Tác động của việc không tuân thủ

3.2.1. Kinh tế

- Giảm doanh thu từ thị trường EU

Kể từ khi thẻ vàng được áp dụng, các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản phải đối mặt với sự suy giảm đáng kể về doanh thu. Theo Tạp chí Kinh tế Trung ương và Tổng cục Thống kê, trong nửa đầu năm 2023, giá trị xuất khẩu thủy sản Việt Nam giảm mạnh, đặc biệt là tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản. Tổng giá trị xuất khẩu thủy sản lũy kế đến tháng 9 năm 2023 chỉ đạt 6,64 tỷ USD, giảm 21,7% so với cùng kỳ năm trước. Tại thị trường Hoa Kỳ, một trong những thị trường quan trọng nhất của Việt Nam, doanh thu xuất khẩu thủy sản trong 8 tháng đầu năm 2023 giảm 21,1% so với cùng kỳ năm 2022, một dấu hiệu cảnh báo nghiêm trọng cho ngành. Tương tự, xuất khẩu sang Nhật Bản và Trung Quốc cũng sụt giảm, lần lượt 16,9% và 9,36% trong cùng giai đoạn. Nếu xu hướng này tiếp tục, Việt Nam không chỉ mất đi thị trường EU mà còn có thể bị mất vị thế tại các thị trường xuất khẩu lớn khác, gây ảnh hưởng lâu dài đến xuất khẩu thủy sản và làm suy giảm năng lực cạnh tranh quốc tế.

- Tăng chi phí do kiểm tra và giám sát nghiêm ngặt hơn

Các doanh nghiệp thủy sản không chỉ đối mặt với sự suy giảm về mặt doanh thu mà còn là sự gia tăng chi phí ở các hoạt động xuất khẩu. Bởi theo quy định của EU, tất cả các lô hàng thủy sản từ các quốc gia bị thẻ vàng, bao gồm Việt Nam, phải trải qua quy trình kiểm tra nghiêm ngặt về nguồn gốc. Điều này dẫn đến thời gian vận chuyển kéo dài làm phát sinh các chi phí liên quan như lưu kho, thuê container và chi phí hải quan. Mỗi lô hàng có thể bị giữ lại trong 3-4 tuần để xác minh, với chi phí kiểm tra nguồn gốc lên đến 500 USD mỗi lô. Nghiêm trọng hơn, các doanh nghiệp có nguy cơ đối mặt với chi phí phát sinh tại cảng và rủi ro lớn nhất là hàng hóa bị từ chối và trả lại, gây tổn thất đáng kể. Một ví dụ điển hình tại Philippines, có tới 70% lô hàng bị từ chối khi quốc gia này bị áp đặt thẻ vàng. Mỗi lô hàng thủy sản xuất khẩu bị thẻ vàng sang EU có thể gây thiệt hại lên tới 10.000 Euro. Điều này không chỉ gây ra sự sụt giảm đáng kể về doanh thu mà còn tăng chi phí hoạt động, ảnh hưởng nặng nề đến khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp thủy sản.

- Tác động lâu dài đến uy tín và khả năng xuất khẩu

Việc bị áp đặt thẻ vàng không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu xuất khẩu mà còn gây tổn hại đến uy tín của Việt Nam nói chung và ngành thủy sản nói riêng trên thị trường quốc tế. Những rủi ro về uy tín không chỉ dừng lại ở thị trường EU mà còn có khả năng lan rộng sang một số thị trường lớn của Việt Nam như Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc. Mặc dù chưa có một minh chứng cụ thể về việc Việt Nam bị rút thẻ vàng và có khả năng bị thẻ đỏ ảnh hưởng tới việc nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam của các nước trên nhưng việc áp dụng tương tự các quy định IUU của EU có khả năng xảy ra. Bên cạnh đó, một số các thị trường xuất khẩu có khả năng tăng trưởng mạnh nhưng tính bền vững không cao khó có thể thay thế thị trường EU. Vì

dự như xuất khẩu sang Trung Quốc đang tăng nhanh, song thị trường này không ổn định và khó dự đoán, khiến Việt Nam khó có thể dựa vào Trung Quốc như một giải pháp thay thế lâu dài.

3.2.2. Thương mại

- Gặp khó khăn khi mất thị trường EU

Về mặt trực tiếp, nếu Ủy ban Châu Âu ban hành thẻ đỏ, tất cả các sản phẩm khai thác sẽ bị cấm nhập vào thị trường EU. Theo ước tính ngành thủy sản, Việt Nam sẽ tổn thất khoảng 480 triệu USD mỗi năm nếu mất thị trường EU. Trong đó, tổn thất từ hải sản khai thác, bao gồm cá ngừ, cá kiếm, nhuyễn thể, mực, bạch tuộc và các loài hải sản khác khoảng 387 triệu USD mỗi năm. Đáng lo ngại hơn, do EU là thị trường tín chỉ nên các thị trường khác có thể sẽ áp dụng biện pháp tương tự với hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam.

Về mặt gián tiếp, các sản phẩm thủy sản nuôi trồng có thể bị giảm khả năng xuất khẩu. Điều này bắt nguồn từ việc giảm uy tín, gánh nặng kiểm soát hải quan ngày càng tăng và việc không tận dụng được thuế quan ưu đãi của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA). Theo ước tính ngành thủy sản nuôi trồng có thể mất khoảng 93 triệu USD do các tác động gián tiếp. Về trung hạn, nếu lệnh cấm kéo dài trong 2-3 năm có thể gây gián đoạn xuất khẩu thủy sản Việt Nam, trong đó khai thác thủy sản sẽ bị thu hẹp ít nhất 30% về quy mô sản lượng. Khi đó, các doanh nghiệp thủy sản phải tìm kiếm các thị trường nội địa hoặc các thị trường thay thế (ví dụ: Trung Quốc, Mỹ, Hàn Quốc và Nhật Bản). Tuy nhiên, mức độ hấp thụ của thị trường nội địa và các thị trường thay thế đối với lượng cung dư thừa là không rõ ràng và chưa được ước tính.

- Sự suy giảm khả năng cạnh tranh khi bị áp đặt thêm các biện pháp kiểm tra

Các thị trường chính khác như Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc có thể sẽ hạn chế hoặc ngừng hoàn toàn việc nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam. Đồng thời, giá thủy sản xuất khẩu sang các thị trường khác cũng có thể giảm, vì các nhà nhập khẩu sẽ tìm cách giảm giá hoặc thủy sản Việt Nam sẽ phải cạnh tranh khốc liệt với các sản phẩm từ các quốc gia khác. Điều này có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn ngành thủy sản, làm giảm uy tín không chỉ của sản phẩm khai thác biển mà cả các sản phẩm nuôi trồng thủy sản của Việt Nam trên thị trường thế giới.

3.2.3. Xã hội và môi trường

- Suy giảm nguồn tài nguyên thủy sản

Hoạt động đánh bắt IUU không chỉ gây ra sự suy giảm đáng kể các quần thể cá vốn đã cạn kiệt mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến các loài chim biển, động vật có vú biển và rùa biển. Ví dụ, ở Nam Đại Dương, ước tính các tàu đánh cá dài bất hợp pháp giết chết 100.000 con chim biển, bao gồm hàng chục nghìn con chim hải âu có nguy cơ tuyệt chủng hàng năm. Sự cạn kiệt của các đàn cá và các sinh vật biển còn có khả năng đe dọa đến tính đa dạng sinh học và cấu trúc của hệ sinh thái biển, làm suy yếu sức khỏe và chức năng của hệ sinh thái biển. Bên cạnh đó, những hoạt động đánh bắt IUU thường sử dụng các phương pháp đánh bắt có tính hủy diệt như sử dụng thuốc độc và đánh bắt bằng thuốc nổ. Các phương pháp này có khả năng gây tổn

hại đến các môi trường sống biển nhạy cảm, quan trọng đối với hệ sinh thái biển như rạn san hô, có thể mất tới 25 năm để phục hồi.

- Tác động đến cộng đồng địa phương

Sự tồn tại của các hoạt động đánh bắt IUU có thể thay thế những ngư dân hợp pháp vì hoạt động đánh bắt IUU có chi phí thấp hơn dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh. Điều này cũng có thể khiến những ngư dân đánh bắt hợp pháp tham gia vào hoạt động đánh bắt IUU để theo kịp đối thủ cạnh tranh. Mặt khác, lượng cá suy giảm do hoạt động đánh bắt IUU gây ra cũng làm gián đoạn sinh kế của những ngư dân hợp pháp. Tại Việt Nam, hơn 4 triệu lao động tham gia vào việc khai thác thủy sản. Nếu sản lượng đánh bắt cá thấp hơn có thể dẫn đến việc làm thấp hơn và thu nhập hộ gia đình thấp hơn, góp phần làm gia tăng mức độ nghèo đói, đặc biệt là đối với những người đánh bắt ven biển và nghề thủ công.

3.3. Giải pháp và biện pháp cải thiện tuân thủ

Về việc theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động của tàu cá, quản lý đội tàu

Thứ nhất, cải thiện việc đăng ký và cấp phép tàu thuyền: Chính quyền địa phương cần rà soát và cập nhật thông tin quản lý tàu thuyền chưa đăng ký trên hệ thống Vnfishbase, đồng thời đảm bảo các quy định nghiêm ngặt về đăng ký hợp pháp. Các tàu không tuân thủ thông số kỹ thuật sẽ bị cấm đỗ cá tại cảng hoặc vào thị trường.

Thứ hai, tăng cường hoạt động giám sát hàng hải: Tăng cường tuần tra và áp dụng các hình phạt nghiêm khắc sẽ giúp phát hiện và xử lý kịp thời tàu thuyền vi phạm, đồng thời tạo áp lực tuân thủ, giảm thiểu hoạt động khai thác IUU, tạo môi trường công bằng cho các tàu hợp pháp.

Thứ ba, tách biệt nơi neo đậu của ngư dân đánh bắt nhỏ lẻ và ngư dân đánh bắt thương mại lớn: Biện pháp này sẽ giúp tăng cường năng lực giám sát hoạt động khai thác hải sản. Quá trình thực hiện cũng sẽ cải thiện quy trình phân loại sản phẩm cá và hỗ trợ các nhóm ngư dân khác nhau tham gia.

Về việc thực thi pháp luật

Thứ nhất, nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân và doanh nghiệp: Chính quyền địa phương cần triển khai nhiều chương trình giáo dục, tuyên truyền để người dân và doanh nghiệp hiểu được tầm quan trọng của việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tính bền vững của ngành thủy sản.

Thứ hai, nâng cao tính chuyên nghiệp và năng lực phối hợp của các cơ quan quản lý hàng hải: Các cơ quan chức năng cần có chương trình đào tạo, bồi dưỡng định kỳ cho cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao năng lực giám sát, quản lý khi thực thi pháp luật trên biển. Bên cạnh đó, cần trang bị cho Cảnh sát biển các trang thiết bị, công nghệ hiện đại để có thể giám sát, kiểm soát hiệu quả hơn.

Thứ ba, tăng cường hợp tác quản lý và ký kết các thỏa thuận hợp tác với các nước láng giềng: Hợp tác giúp thiết lập khuôn khổ pháp lý vững chắc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi pháp luật trên biển và hoạt động đánh bắt của ngư dân. Ngoài ra, thông qua việc ký kết các thỏa thuận hợp tác, Việt Nam cũng có cơ hội giải quyết các vấn đề liên quan đến chồng lấn lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và tranh chấp chủ quyền một cách hòa bình và công bằng.

4. Kết luận

Nhìn chung, doanh nghiệp thủy sản Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn trong việc tuân thủ các quy định chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không được quản lý (IUU), đặc biệt là trong bối cảnh bị EC rút thẻ vàng. Kết quả phân tích cho thấy:

Thứ nhất, mức độ tuân thủ hiện tại chưa đạt yêu cầu, mặc dù tỷ lệ lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (VMS) và áp dụng quy trình truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp khá cao. Tuy nhiên, việc thực hiện lại thiếu đồng bộ. Bởi nhiều tàu đã được gắn VMS, nhưng có hiện tượng không được lắp đúng tàu hay một tàu được gắn nhiều VMS của các tàu cá khác, dẫn đến báo cáo không chính xác.

Thứ hai, chi phí và rào cản về nguồn lực vẫn còn rất lớn. Các doanh nghiệp phải đối mặt với chi phí cao cho việc tuân thủ, như đầu tư vào công nghệ giám sát và truy xuất, trong khi nhiều doanh nghiệp chưa có đủ nguồn lực để thực hiện đúng các yêu cầu.

Thứ ba, các tác động tiêu cực khi không tuân thủ, đặc biệt là việc bị gắn thẻ vàng ảnh hưởng không chỉ đến khả năng xuất khẩu, mà còn làm giảm uy tín của ngành thủy sản Việt Nam trên trường quốc tế. Doanh nghiệp phải đối diện với các biện pháp kiểm tra gắt gao, làm gia tăng chi phí và gây ảnh hưởng đến doanh thu.

Từ những kết luận trên, để nâng cao khả năng tuân thủ và sớm gỡ bỏ thẻ vàng IUU, Chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan có thể cân nhắc thực hiện một số các giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, tăng cường hệ thống giám sát và truy xuất nguồn gốc

Thứ hai, nâng cao nhận thức và đào tạo về luật pháp và các yêu cầu của EC cho các doanh nghiệp

Thứ ba, thúc đẩy hợp tác công - tư và quốc tế

Cuối cùng, cần tăng cường giám sát và thực thi

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Behringer, Stefan (2011): *Compliance Kompakt, Aufl.*, Erich Schmidt Verlag, Berlin

Biden, J.R. (2022), “*Memorandum on Combating Illegal, Unreported, and Unregulated Fishing and Associated Labor Abuses*”, The White House, xem tại: <https://bidenwhitehouse.archives.gov/briefing-room/presidential-actions/2022/06/27/memorandum-on-combating-illegal-unreported-and-unregulated-fishing-and-associated-labor-abuses/> (Truy cập ngày 16/10/2024)

Chí Tuệ, “*EC có gỡ “thẻ vàng” cho thủy sản Việt Nam sau lần thanh tra thứ 4?*”, 2023, xem tại: <https://tuoitre.vn/ec-co-go-the-vang-cho-thuy-san-viet-nam-sau-lan-thanh-tra-thu-4-2023102017201884.htm> (Truy cập ngày 15/10/2024)

Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) năm 1982, xem tại: <https://digitallibrary.un.org/record/38990?v=pdf>

Cooter, R. (1984), “*Prices and Sanctions*”, 84 COLUMN. L. REv. 1523, xem tại: <https://lawcat.berkeley.edu/record/1112201>

Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam, VASEP, 2018

Hilborn, R., & Walters, C. J. (1992), “*Quantitative Fisheries Stock Assessment: Choice*”, Dynamics and Uncertainty, Chapman and Hall, ISBN: 9780412022715

John C. Vann, “*Illegal Fishing Is a Global Threat. Here’s How to Combat It*”, Council on Foreign Relations, 2021, xem tại: <https://www.cfr.org/article/illegal-fishing-global-threat-heres-how-combat-it> (Truy cập ngày 16/10/2024)

Minh Vân, “*Xử lý tàu mất kết nối VMS: Cần cơ chế “phạt nguội”*”, 2024, xem tại: <https://baobinhthuan.com.vn/xu-ly-tau-mat-ket-noi-vms-can-co-che-phat-nguoi-119507.html> (Truy cập ngày 17/10/2024)

National Oceanic and Atmospheric Administration (2022), “*New U.S. Strategy for combating illegal, unreported and unregulated fishing*”, xem tại: <https://www.noaa.gov/news-release/new-us-strategy-for-combating-illegalunreported-and-unregulated-fishing> (Truy cập ngày 16/10)

Nghị định 37/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 26/2019/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Thủy sản 2017

Nghị định 38/2024/NĐ-CP thay thế Nghị định số 42/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản

Official Journal of The European Union (2008), REGULATION (EC) No 1005/2008 of 29 September 2008

Palma K, Thorgrimsen S, Malinovsky FG, Fiil BK, Nielsen HB, et al. (2010), “*Correction: Autoimmunity in Arabidopsis acd11 Is Mediated by Epigenetic Regulation of an Immune Receptor*”, PLOS Pathogens, Vol 6 No. 10

Patton v Mid-Continent Systems 841 F 2d 742 (7th Cir, 1988), per Posner J

Phạm Thị Thanh Bình, “*Hoạt động gỡ cảnh báo thẻ vàng IUU: Vấn đề đặt ra và giải pháp*”, 2024, xem tại: <https://tapchinganhang.gov.vn/hoat-dong-go-can-h-bao-the-vang-iuu-van-de-dat-ra-va-giai-phap-6659.html> (Truy cập ngày 16/10/2024)

Phan Phuong, “*Hành động quyết liệt, quyết tâm gỡ “thẻ vàng” IUU trong năm 2024*”, 2024, xem tại: <https://www.vietnamplus.vn/hanh-dong-quyet-liet-quyet-tam-go-the-vang-iuu-trong-nam-2024-post941577.vnp> (Truy cập ngày 17/10/2024)

Phuong, T.V. & Hang, D.T. (2023), “*Effectiveness of vessel monitoring systems in managing and monitoring fishing vessels in CA Mau Province, Vietnam*”, IOP Conference Series: Earth and Environmental Science, Vol 1278 No 1, DOI: 10.1088/1755-1315/1278/1/012009

Sumaila, U. R., & Walters, C. (2005), “*Intergenerational Discounting: A New Intuitive Approach*”, *Ecological Economics*, Vol 52 No 2, p135-142

Tăng Văn Nghĩa & Lê Phương Hà, “Bàn về sự tuân thủ pháp luật cạnh tranh của doanh nghiệp”, *Tạp chí Luật học*, số 11/2014

Thanh Thủy, “*Bà Rịa - Vũng Tàu: Tổng sản lượng thủy sản 5 tháng đầu năm 2024 ước đạt trên 171 nghìn tấn*”, 2024, xem tại: <https://tongcucthuysan.gov.vn/vi-vn/khai-th%C3%A1c-th%E1%BB%A7y-s%E1%BA%A3n/-khai-th%C3%A1c/doc-tin/020846/2024-06-18/ba-ria-vung-tau-tong-san-luong-thuy-san-5-thang-dau-nam-2024-uoc-dat-tren-171-nghin-tan> (Truy cập ngày 17/10/2024)

Trần Hữu Duy Minh, “*Tác động của việc tham gia Hiệp định về đàn cá di cư đến việc hưởng quyền tự do đánh bắt cá trên biển cả của Việt Nam*”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số Vol 06 No 386, tr. 75, 2020

Vietnam Association of Seafood Exporters and Producers (VASEP) and World Bank (2021), “*A Trade-Based Analysis of the Economic Impact of Non-Compliance with Illegal, Unreported and Unregulated Fishing: The Case of Vietnam*”, tr. 51-59